

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
dịch vụ bơm tiêu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận.

Ông Phan Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 7, 23 tháng 8 và các ngày 23, 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Phước Nh, sinh năm 1980 – Chủ hộ kinh doanh Trần Phước Nh.

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Đoàn Thành Tr, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổ hợp tác số 1 ấp Chiến Thắng, xã A.

Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1963; Chức vụ: Tổ trưởng.

Địa chỉ: Ấp Th, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Nh có mặt tại phiên tòa, ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Tr và ông L đều vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Trần Phước Nh: Ông Trần Phước Nh là chủ đầu tư bơm nước ra tại cánh đồng Chín Kheo - Cà Mũi thuộc ấp Chiến Thắng, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp với 03 Tổ hợp tác gồm Tổ hợp tác số 1, Tổ hợp tác số 2 và Tổ hợp tác số 3, trong đó ông Đoàn Thành Tr là nông dân canh tác đất trong Tổ hợp tác số 1 do ông Trần Thanh B, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp Chiến Thắng, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là Tổ trưởng đại diện ký hợp đồng.

Theo hợp đồng bơm rút nước ra ngày 26-5-2014 thì thời gian ông Nh hợp đồng bơm rút nước là 05 năm (15 vụ) kể từ vụ Hè Thu năm 2014 đến cuối vụ Thu Đông năm 2019 với giá là 215.000 đồng/1.000m²/năm được chia thành 02 vụ: Vụ Hè Thu hàng năm 100.000 đồng/1.000m², vụ Thu Đông hàng năm 115.000 đồng/1.000m². Sau khi hết hợp đồng trên thì đến ngày 17-8-2020 ông Nh tiếp tục ký hợp đồng khác với đại diện 03 Tổ hợp tác nêu trên với thời gian hợp đồng là 06 năm (17 vụ) được tính từ vụ Thu Đông năm 2020 đến cuối vụ Đông Xuân năm 2026 với giá là 225.000 đồng/1.000m²/năm được chia thành 03 vụ: Vụ Thu Đông hàng năm 75.000 đồng/1.000m², vụ Đông Xuân hàng năm 75.000đồng/1.000m², vụ Hè Thu hàng năm 75.000 đồng/1.000m².

Nội dung hợp đồng còn nêu rõ: Tổ viên của Tổ hợp tác khi thu hoạch bán lúa xong phải thanh toán tiền thủy lợi phí cho Chủ đầu tư, không được dây dưa kéo dài, nếu quá 05 ngày phải chịu lãi suất theo lãi suất vay vốn của ngân hàng, nếu dây dưa quá 20 ngày thì chủ đầu tư có quyền khởi kiện ra Tòa án.

Trong thời gian ông Nh thực hiện hợp đồng thì ông Tr còn thiếu tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra, cụ thể như sau:

Năm 2017: $86.500\text{m}^2 \times 215.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 18.597.000 \text{ đồng}$, ông Nh bớt 2.597.000 đồng, còn thu 16.000.000 đồng, ông Tr đã trả được 8.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 8.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 7-2017 đến khi khởi kiện là $8.000.000 \text{ đồng} \times 41 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 3.280.000 \text{ đồng}$.

Năm 2018 (vụ Thu Đông): $86.500\text{m}^2 \times 115.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 9.947.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi tính từ tháng 10-2018 đến khi khởi kiện là $9.947.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 2.586.000 \text{ đồng}$.

Năm 2020 (vụ Thu Đông): $78.000\text{m}^2 \times 75.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 5.850.000 \text{ đồng}$ và tiền lãi tính từ tháng 10-2020 đến khi khởi kiện là $5.850.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 117.000 \text{ đồng}$.

Nay ông Trần Phước Nh xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về diện tích đất ông Tr canh tác, ông Nh thống nhất là năm 2017 và năm 2018 ông Tr chỉ canh tác diện tích 78.000m² nên nay ông Tr còn thiếu ông Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra (tiền gốc) như sau:

Năm 2017: $78.000\text{m}^2 \times 215.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 16.770.000 \text{ đồng}$, ông Nh bớt 2.597.000 đồng, còn thu 14.173.000 đồng, ông Tr đã trả được 8.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại 6.173.000 đồng.

Năm 2018 (vụ Thu Đông): $78.000\text{m}^2 \times 115.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 8.970.000 \text{ đồng}$.

Năm 2020 (vụ Thu Đông): $78.000\text{m}^2 \times 75.000 \text{ đồng}/1000\text{m}^2 = 5.850.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền gốc là 20.993.000 đồng.

Ông Nh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi đối với các số tiền gốc mà ông Tr còn thiếu ông Nh như nêu trên. Nên ông Nh yêu cầu ông Đoàn Thành Tr phải trả cho ông Trần Phước Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra còn thiếu năm 2017, vụ Thu Đông năm 2018, vụ Thu Đông năm 2020 tổng cộng gốc là 20.993.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn Đoàn Thành Tr: Ông Tr thừa nhận có canh tác đất trong Tổ hợp tác số 1 do ông Trần Thanh B làm Tổ trưởng nhưng diện tích ông Tr canh tác chỉ có 60 công tầm cắt, tương đương với 77.760m^2 (tính chẵn là 78.000m^2). Ông Tr thừa nhận là các vụ mùa mà ông Nh khởi kiện yêu cầu ông Tr trả tiền bơm tiêu cho ông Nh thì ông Nh có phục vụ bơm tiêu cho diện tích đất ông Tr canh tác nhưng ông Tr đã trả tiền hết cho ông Nh rồi nên tính đến nay ông Tr không có thiếu ông Nh số tiền nào theo hợp đồng cũ (từ năm 2020 trở về trước). Còn đối với hợp đồng mới (ký năm 2020) thì ông Tr không thống nhất với hợp đồng đó nên ông Tr không đồng ý trả, khi nào ông Nh khai thác đường nước tiêu cho ông Tr thì ông Tr mới đồng ý trả tiền bơm tiêu cho ông Nh.

Lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổ hợp tác số 1 là ông Trần Thanh B: Ông Đoàn Thành Tr là nông dân canh tác đất trong Tổ hợp tác số 1 diện tích 78.000m^2 . Trong quá trình thực hiện bơm tiêu thì Chủ đầu tư là ông Trần Phước Nh phục vụ rất tốt, không có để ngập úng phần diện tích đất ông Tr canh tác (vì có nhiều lần mưa lớn xuyên đêm ông Tr có báo lúa của ông Tr bị ngập úng nhưng đến sáng sớm hôm sau đại diện Tổ hợp tác xuống khảo sát ruộng thì nước trong ruộng của ông Tr cũng đã rút khô, không có bị ngập úng, hư hại). Việc ông Tr có thiếu tiền phục vụ bơm tiêu của ông Nh hay không thì ông B không có biết vì ông Nh không có thông báo với Tổ hợp tác. Đại diện cho ý kiến của Tổ hợp tác số 1, ông B không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo như Hợp đồng Tổ hợp tác đã ký với Chủ đầu tư.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng đã ký giữa chủ đầu tư Trần Phước Nh và Tổ hợp tác số 1 vào các năm 2014 và năm 2020 và ý kiến ông Trần Thanh B Tổ trưởng của Tổ hợp tác số 1 thì giữa chủ đầu tư ông Nh và Tổ hợp tác có ký hợp đồng dịch vụ bơm tiêu, ông Tr canh tác diện tích 78.000 m^2 trong Tổ

hợp tác số 1, ông Tr thống nhất diện tích đất, thống nhất việc ông Nh phục vụ bơm tiêu diện tích đất ông Tr canh tác.

Ông Nh yêu cầu ông Tr trả số tiền thủy lợi phí gốc là 20.993.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là căn cứ vào hợp đồng giữa ông Nh với Tổ hợp tác số 1 thì ông Nh bơm rút nước ra và nông dân trong Tổ hợp tác phải thanh toán cho chủ đầu tư theo mùa vụ, ông Nh phục vụ tốt bơm rút nước ra thì nông dân thu hoạch xong vụ lúa phải thanh toán, do ông Tr không thanh toán nên ông Nh khởi kiện yêu cầu trả thủy lợi phí là đúng quy định.

Việc yêu cầu của ông Nh cũng được chính ông Tr thừa nhận là các vụ mùa mà ông Nh khởi kiện yêu cầu ông Tr trả tiền bơm tiêu cho ông Nh thì ông Nh có phục vụ bơm tiêu cho diện tích đất ông Tr canh tác nhưng ông Tr đã trả tiền hết cho ông Nh rồi nên tính đến nay ông Tr không có thiếu ông Nh số tiền nào theo hợp đồng cũ (từ năm 2020 trở về trước). Còn đối với hợp đồng mới (ký năm 2020) thì ông Tr không thống nhất với hợp đồng đó nên ông Tr không đồng ý trả, khi nào ông Nh khai thác đường nước tiêu cho ông Tr thì ông Tr mới đồng ý trả tiền bơm tiêu cho ông Nh.

Đối với yêu cầu của ông Nh thì ông Tr không đưa ra được chứng cứ chứng minh là mình đã trả hết tiền thủy lợi phí mà ông Nh yêu cầu nên phải chịu hậu quả cho việc không đưa ra chứng cứ.

Trong khi đó đại diện Tổ hợp tác là ông B thừa nhận là khi ông Nh thu tiền thủy lợi phí thì đều có phiếu thu, cũng như chính ông Tr thừa nhận là có phiếu thu nhưng đã bỏ mất rồi không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Ông Tr cho rằng từ năm 2020 chủ đầu tư chưa khai thác đường nước tiêu tốt cho ông Tr, khi nào đường nước tiêu thoát nước tốt thì ông Tr mới đồng ý trả tiền bơm tiêu là không thể chấp nhận được, từ ý kiến của ông B đại diện Tổ hợp tác thì việc bơm rút nước ra của chủ đầu tư là tốt không thấy ai trong Tổ hợp tác phản ánh. Do đó ông Tr nêu lý do không trả tiền thủy lợi phí của năm 2020 là không có cơ sở.

Ông Nh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi đối với các số tiền gốc mà ông Tr nợ ông Nh nên đình chỉ.

Từ những nhận định trên ông Nh yêu cầu ông Tr trả số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra gốc là 20.993.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Đoàn Thành Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, người làm chứng Nguyễn Hoàng L vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp

với Tòa án nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Phước Nh yêu cầu ông Đoàn Thành Tr trả cho ông Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra còn thiếu năm 2017, vụ Thu Đông năm 2018, vụ Thu Đông năm 2020 tổng cộng gốc là 20.993.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Ông Tr thừa nhận là các vụ mùa mà ông Nh khởi kiện yêu cầu ông Tr trả tiền bơm tiêu cho ông Nh thì ông Nh có phục vụ bơm tiêu cho diện tích đất ông Tr canh tác nhưng ông Tr đã trả tiền hết cho ông Nh rồi nên tính đến nay ông Tr không có thiếu ông Nh số tiền nào theo hợp đồng cũ (từ năm 2020 trở về trước). Còn đối với hợp đồng mới (ký năm 2020) thì ông Tr không thống nhất với hợp đồng đó nên ông Tr không đồng ý trả, khi nào ông Nh khai thác đường nước tiêu cho ông Tr thì ông Tr mới đồng ý trả tiền bơm tiêu cho ông Nh.

Xét thấy: Ông Tr trình bày theo hợp đồng mới (ký năm 2020) thì chủ đầu tư là ông Nh chưa khai thác đường nước tiêu cho ông Tr, khi nào đường nước tiêu thoát tốt thì ông Tr mới đồng ý trả tiền bơm tiêu cho ông Nh. Đối với đề nghị này thì ông Trần Thanh B đại diện Tổ hợp tác số 1 cho rằng trong quá trình thực hiện bơm tiêu thì chủ đầu tư là ông Nh phục vụ rất tốt, không có để ngập úng phần diện tích đất ông Tr canh tác (vì có nhiều lần mưa lớn xuyên đêm ông Tr có báo lúa của ông Tr bị ngập úng nhưng đến sáng sớm hôm sau đại diện Tổ hợp tác xuống khảo sát ruộng thì nước trong ruộng của ông Tr cũng đã rút khô, không có bị ngập úng, hư hại), do đó chưa có cơ sở xem xét.

Ông Tr trình bày đã trả hết tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra năm 2017, vụ Thu Đông năm 2018, vụ Thu Đông năm 2020 cho ông Nh, ông Nh thì không thừa nhận việc ông Tr trả tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra các vụ mùa như ông Tr trình bày, ông Tr không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không chấp nhận lý lẽ của ông Tr.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nh yêu cầu ông Tr phải trả tiền lãi là 5.983.000 đồng, nay ông Nh xin rút lại yêu cầu này và việc rút yêu cầu của ông Nh là tự nguyện, do đó đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước Nh là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông Đoàn Thành Tr có nghĩa vụ trả cho ông Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra còn thiếu năm 2017, vụ Thu Đông năm 2018, vụ Thu Đông năm 2020 tổng cộng gốc là 20.993.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), không tính lãi theo quy định tại các điều 513, 515, 519 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Trong vụ án này bị đơn Đoàn Thành Tr có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Phước Nh số tiền 20.993.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 20.993.000 đồng = 1.049.650 đồng, làm tròn 1.050.000 đồng

(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Nguyên đơn Trần Phước Nh không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 744.500 đồng (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số: BI/2019/0009068 ngày 31-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Tổ hợp tác số 1 ấp Chiến Thắng, xã A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 229, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước Nh yêu cầu ông Đoàn Thành Tr phải trả tiền lãi là 5.983.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Phước Nh.

Buộc ông Đoàn Thành Tr có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phước Nh số tiền thủy lợi phí bơm rút nước ra còn thiếu năm 2017, vụ Thu Đông năm 2018, vụ Thu Đông năm 2020 tổng cộng gốc là 20.993.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Thành Tr có nghĩa vụ chịu 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Ông Trần Phước Nh không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Trần Phước Nh 744.500 đồng (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BI/2019/0009068 ngày 31-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Tổ hợp tác số 1 ấp Chiến Thắng, xã A không phải chịu án phí.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-9-2021). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương